

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN  
SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SLĐTBXH-BTXH-TE&BDG  
V/v hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm  
công tác trẻ em năm 2024

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2024

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện công văn số 793/BLĐTBXH-CTE ngày 29/02/2024 của Bộ Lao động - TBXH; Công văn số 1063/UBND-KGVX ngày 05/3/2024 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm công tác trẻ em năm 2024, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, phối hợp thực hiện các hoạt động trọng tâm sau:

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về “Tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” và Kế hoạch số 156-KH/TU ngày 01/3/2024 của Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW của Bộ Chính trị.

Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án về trẻ em. Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện.

2. Tiếp tục triển khai có hiệu quả pháp luật, chính sách về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Kiểm soát, kéo giảm số lượng trẻ em bị xâm hại, bảo đảm việc phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp kịp thời đối với trẻ em có nguy cơ bị xâm hại và trẻ em bị xâm hại. Xây dựng các quyết định của Ủy ban nhân dân, đề xuất các nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chính sách và bố trí ngân sách, nhân lực cho công tác bảo vệ trẻ em, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Củng cố và phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em, xây dựng, thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về quy trình hỗ trợ, can thiệp trường hợp trẻ em bị xâm hại. Mở rộng mạng lưới xã hội tham gia bảo vệ trẻ em, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các thành viên mạng lưới trong việc thông tin, tố giác các hành vi xâm hại trẻ em.

3. Phát huy vai trò, cách làm sáng tạo của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp tham gia công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Vận động, kết nối các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vì trẻ em để thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về vận động nguồn lực hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng mô hình kết nghĩa giữa các huyện, thành phố, xã, phường có điều

kiện kinh tế phát triển với các huyện, các xã khó khăn, thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi để hỗ trợ trẻ em.

**4.** Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục pháp luật về quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em; nâng cao nhận thức, kỹ năng về xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em. Truyền thông, tư vấn đến từng cộng đồng dân cư, gia đình, trường, lớp học về kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng sống cho trẻ em, kỹ năng bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em; giáo dục pháp luật, đạo đức lối sống để phòng ngừa trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

**5.** Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em năm 2024 với chủ đề: “*Hành động thiết thực, ưu tiên nguồn lực cho trẻ em*”; bố trí ngân sách địa phương để xây dựng, nâng cấp các công trình dành cho trẻ em. Tổ chức tốt Tết Trung thu năm 2024; Diễn đàn trẻ em định kỳ.

**6.** Thực hiện hiệu quả Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng. Rà soát, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm đạo đức, pháp luật tác động đến trẻ em, đặc biệt hiện tượng người chưa thành niên lừa đảo trên mạng xã hội, các nội dung hướng dẫn trẻ em các hành vi bạo lực, không an toàn về tính mạng, sức khỏe trên môi trường mạng.

**7.** Triển khai hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần trẻ em, chăm sóc trẻ em mồ côi, bảo đảm trẻ em được hưởng đầy đủ các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tăng cường công tác phòng, chống tai nạn thương tích, phòng, chống đuối nước trẻ em; ưu tiên xây dựng bể bơi để tăng tỉ lệ trẻ em được học bơi, học kỹ năng an toàn phòng, chống đuối nước. Tiếp tục thực hiện Đề án Chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng và Đề án Chăm sóc hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng, chú trọng hoàn thiện mạng lưới kết nối dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật.

**8.** Tổ chức đánh giá, xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Thực hiện công tác kiểm tra liên ngành đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em nhằm phát hiện khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện và báo cáo kết quả về UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

**9.** Tăng cường thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật, chính sách về trẻ em; rà soát công tác tự kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp xã, kiểm tra hoạt động các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, việc sử dụng trẻ em tham gia lao động tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình, đặc biệt hộ gia đình trong các làng nghề. Xử lý kịp thời, nghiêm minh, chỉ đạo làm rõ trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các vụ việc xâm hại trẻ em, các vụ việc gây tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt các vụ việc gây tử vong trẻ em.

**10.** Tiếp tục triển khai thu thập chỉ tiêu thống kê, báo cáo theo Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; thực hiện chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu, cập nhật vào phần mềm quản

lý thông tin trẻ em từ cơ sở đáp ứng yêu cầu về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

**11. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em**

- Kịp thời xác minh, báo cáo những vấn đề, vụ việc đột xuất, nổi cộm liên quan đến trẻ em cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp, hỗ trợ tháo gỡ, giải quyết.

- Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em giữa các cấp quản lý và chế độ báo cáo được quy định tại các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh. Giao hoặc ủy quyền cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội định kỳ báo cáo kết quả công tác cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội **trước ngày 15/5 và 15/11/2024** (có đề cương hướng dẫn và biểu mẫu kèm theo) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Trẻ em;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Báo Thái Nguyên; Đài PTTH; Trung tâm thông tin tỉnh;
- Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội;
- Phòng LĐ-TBXH các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BTXH-TE&BDG.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Kiên**

**Phụ lục 01a**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/năm 2024**  
**và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024/năm 2025**  
(Kèm theo Công văn số /SLĐTBXH-BTXH-TE&BDG,  
ngày /3/2024 của Sở Lao động - TBXH)

*Mẫu 01a - Dành cho các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh*

**I. Tình hình chung**

**II. Kết quả thực hiện**

- Việc triển khai các văn bản của tỉnh về công tác trẻ em của ngành, đơn vị.
- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.
- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công tác trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị.
- Tham gia ủng hộ “Ngày lao động vì hạnh phúc trẻ thơ” và các hoạt động thúc đẩy quyền trẻ em.

**III. Đánh giá chung**

- Những kết quả nổi bật.
- Những tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

**IV. Kiến nghị, đề xuất**

**V. Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024/năm 2025./.**

**Phụ lục 01b**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/năm 2024**  
**và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024/năm 2025**  
*(Kèm theo Công văn số /SLĐT BXH-BTXH-TE&BDG,*  
*ngày /3/2024 của Sở Lao động - TBXH)*

*Mẫu 01b - Dành cho các huyện, thành phố*

**I. Đặc điểm tình hình**

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.
2. Những vấn đề trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

**II. Kết quả thực hiện**

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em;
2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ);
3. Công tác chăm sóc trẻ em;
4. Công tác giáo dục trẻ em;
5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em;
6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em;
7. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội;
8. Hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em;
9. Tổng kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em trong năm.

*(Số liệu theo Phụ lục 02, 03 và 04 gửi kèm theo)*

**III. Đánh giá kết quả đạt được**

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2023.
2. Những tồn tại, hạn chế.
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...).

**IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024 hoặc năm 2025**

1. Mục tiêu chung.
2. Các mục tiêu cụ thể.
3. Các chỉ tiêu cần đạt.
4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện.
5. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện.

-----

**Phu lục 02**

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM**  
(Kèm theo Công văn số /SLDTBXH-BTXH-TE&BDG, ngày /3/2024  
của Sở Lao động - TBXH)

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>6 tháng/năm 2024</b>
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em</b>		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- Thành phố, huyện (nguồn triển khai tại cấp huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện).	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại cấp xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	
<b>III</b>	<b>Số người làm công tác trẻ em các cấp</b>		
1	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	
1.1	Chuyên trách	Người	
1.2	Kiểm nhiệm	Người	
2	Cấp xã	Người	
	Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	Người	
3	Cộng tác viên tại thôn, làng, bản, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người	
<b>IV</b>	<b>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em</b>		
1	Số lớp, số cán bộ cấp huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án, ... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố, khóm được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	6 tháng/năm 2024
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
<b>V</b>	<b>Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội</b>		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	
<b>VI</b>	<b>Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em</b>		
1	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	Xã/phường/thị trấn	
2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	%	
<b>VII</b>	<b>Tháng hành động vì trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>VIII</b>	<b>Diễn đàn trẻ em các cấp</b>		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
<b>IX</b>	<b>Tết Trung thu cho trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>X</b>	<b>Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt trẻ em</b>		
1	Số cuộc Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt trẻ em (huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	

**Phu lục 03**

**THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM**

(Kèm theo Công văn số /SLĐTBXH-BTXH-TE&BDG, ngày /3/2024 của Sở Lao động - TBXH)

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	6 tháng/ năm 2024
<b>I</b>	<b>Cấu trúc, tổ chức tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp</b>		
1	Số huyện, thành phố thành lập tổ chức phối hợp liên ngành cấp huyện	Huyện	
2	Số xã, phường, thị trấn thành lập tổ chức phối hợp liên ngành cấp xã	Xã	
3	Số xã, phường, thị trấn thành lập Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
4	Số xã, phường, thị trấn có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	
<b>II</b>	<b>Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
<b>1</b>	<b>Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh (do ngành LĐTBXH quản lý)</b>		
1.1	<i>Cơ sở có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ BVTE</i>		
a	<i>Số cơ sở công lập</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
b	<i>Số cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	<i>Cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ BVTE</i>		
a	<i>Số cơ sở công lập</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
b	<i>Số cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở	



<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>6 tháng/ năm 2024</b>
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
<b>2</b>	<b>Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ (công lập và ngoài công lập)</b>		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số lượt cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng (công lập và ngoài công lập).	Lượt người	
<b>3</b>	<b>Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện/tổng số cấp huyện</b>	Cơ sở/Huyện	
<b>4</b>	<b>Số điểm tư vấn cộng đồng</b>	Điểm	
<b>5</b>	<b>Số điểm tư vấn trường học</b>	Điểm	



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	%	Người	Người	
1.2	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
1.3	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích								
1.4	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
<b>2</b>	<b>Trẻ em bị bỏ rơi</b>								
2.1	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
2.2	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
<b>3</b>	<b>Trẻ em không nơi nương tựa</b>								
3.1	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật								
3.2	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng								
3.3	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.4	Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	%	Người	Người	
3.5	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội								
3.6	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.7	Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em								
3.8	Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội								
3.9	Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.10	Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.11	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em								
3.12	Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật								
3.13	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích								
3.14	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích								
3.15	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
<b>4</b>	<b>Trẻ em khuyết tật</b>								
4.1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng								
4.2	Trẻ em khuyết tật nặng								
4.3	Trẻ em khuyết tật nhẹ								
4.4	Các dạng tật								
	-Trẻ em khuyết tật vận động								
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói								
	-Trẻ em khuyết tật nhìn								
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần								
	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ								
	-Trẻ em khuyết tật khác								
	+ Trong đó: Trẻ em tự kỷ								
<b>5</b>	<b>Trẻ em nhiễm HIV/AIDS</b>								
5.1	Sống với cha mẹ, người thân thích								
5.2	Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
<b>6</b>	<b>Trẻ em vi phạm pháp luật</b>								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	%	Người	Người	
6.1	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
6.2	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
6.3	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo								
7	<b>Trẻ em nghiện ma túy</b>								
7.1	Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện								
7.2	Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng								
8	<b>Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở</b>								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	%	Người	Người	
8.1	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc								
8.2	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc								
<b>9</b>	<b>Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực</b>								
<b>10</b>	<b>Trẻ em bị bóc lột</b>								
10.1	Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động								
10.2	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm								
10.3	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								
10.4	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác								
10.5	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật								
<b>11</b>	<b>Trẻ em bị xâm hại tình dục</b>								
11.1	Trẻ em bị hiếp dâm								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
11.2	Trẻ em bị cưỡng dâm								
11.3	Trẻ em bị giao cấu								
11.4	Trẻ em bị dâm ô								
11.5	Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức								
<b>12</b>	<b>Trẻ em bị mua bán</b>								
12.1	Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích								
12.2	Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
<b>13</b>	<b>Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo</b>								
13.1	Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.								
13.2	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								
<b>14</b>	<b>Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc</b>								
14.1	Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	%	Người	Người	
14.2	Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc								
14.3	Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.								
<b>III</b>	<b>Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt</b>								
<b>Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:</b>									
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo								
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo								
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS)								
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy)								
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
<b>IV</b>	<b>Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác</b>								
<b>Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:</b>									
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
2.1	Số trẻ em bị tai nạn thương tích								
2.2	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: Số trẻ em tử vong do đuối nước								
	Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông								